

Số: 50/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Sư phạm Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 50/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,29
Tiêu chuẩn 1	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,50
Tiêu chuẩn 3	4,25
Tiêu chuẩn 4	4,25
Tiêu chuẩn 5	4,25
Tiêu chuẩn 6	4,43
Tiêu chuẩn 7	4,20
Tiêu chuẩn 8	4,25
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,10
Tiêu chuẩn 9	4,17
Tiêu chuẩn 10	4,50
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	4,00

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,03
Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	4,25
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,06
Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 50/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định rõ ràng, thể hiện được vị thế, truyền thống và cam kết trách nhiệm xã hội cao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và Luật Giáo dục đại học, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các chỉ tiêu chiến lược được xác định cụ thể với các giải pháp khả thi. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng có căn cứ và cập nhật kịp thời các chủ trương, định hướng của Nhà nước. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được thực hiện tốt; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và năng lực nghiên cứu tốt. Tình hình tài chính có sự gia tăng; về cơ bản đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động. Cơ sở vật chất được đầu tư, cảnh quan môi trường được chăm sóc tốt, được đánh giá và cải tiến. Công tác phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại thể hiện được bản sắc riêng.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo, bồi dưỡng. Chính sách chất lượng được xây dựng và đầu tư. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành thông qua các hoạt động khảo sát, và nhất là đã nỗ lực thực hiện tự đánh giá Trường và các chương trình đào tạo. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu, công nghệ thông tin được ứng dụng; dữ liệu thông tin được lưu trữ và cập nhật. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập; việc đối sánh bước đầu được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được đầu tư; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; chất lượng tuyển sinh tốt. Triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi; các hoạt động dạy học khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện hàng năm; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, cán bộ và người học được thiết lập, được tạo điều kiện triển khai thực hiện khá hiệu quả. Chiến lược phát triển và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu có định hướng và giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được mở rộng, phát huy hiệu quả. Công tác kết nối, phục vụ cộng đồng đa dạng, gắn với thế mạnh của Trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, thời

học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định và có các chính sách khuyến khích, đầu tư; sản phẩm nghiên cứu khá phong phú, đa dạng. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể, được triển khai và có nhiều tác động xã hội tích cực và được ghi nhận. Công tác giám sát kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động được thực hiện tốt theo quy định, đã góp phần tạo hình ảnh, tăng uy tín cho Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Thu thập dữ liệu, phân tích có chọn lọc ý kiến các bên liên quan làm căn cứ điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, trong đó có tính đến bối cảnh, xu hướng về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khát vọng xây dựng Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, thể hiện tính tiên phong, truyền thống và thế mạnh của Trường. Thống nhất tuyên bố về sứ mạng trong các văn bản pháp quy và trên các phương tiện truyền thông, nhất là bản tiếng Anh để đảm bảo truyền thông đầy đủ đến các đối tác quốc tế. Khẩn trương xây dựng chiến lược phát triển cho giai đoạn mới, trong đó tuyên bố tầm nhìn với thời gian xa hơn, phù hợp với định hướng chiến lược.

2. Xây dựng kế hoạch rà soát định kỳ các cơ quan quản trị và các văn bản quản trị để đánh giá và cải tiến nhằm tăng hiệu quả. Xây dựng khung logic trong thực hiện quyết định của các cơ quan quản trị với cơ chế đặc thù của từng đơn vị/lĩnh vực; có kế hoạch giảm thiểu các rủi ro trong quá trình hoạt động và hệ thống quản trị. Tăng cường vai trò lãnh đạo và giám sát của Hội đồng trường trong thực hiện chiến lược và các biện pháp quản trị rủi ro tài chính; có các giải pháp cải tiến hiệu quả tư vấn chính sách, chiến lược của Hội đồng Khoa học và đào tạo và nâng cao năng lực nhân sự. Nghiên cứu áp dụng các bài học tốt từ các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước để cải tiến hệ thống quản trị đảm bảo tính bền vững, thực hiện tốt hơn sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Nhà trường.

3. Quy định rõ vị trí, nhiệm vụ các bộ phận giúp việc để tăng cường chức năng lãnh đạo, giám sát và phản biện của Hội đồng trường trong hỗ trợ các hoạt động quản lý. Có hướng dẫn, quy định cụ thể về quản lý trong kết nối, phục vụ cộng đồng; có chiến lược và các giải pháp đẩy mạnh truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược để hiện thực hóa tầm nhìn, thực hiện vai trò trọng điểm, dẫn dắt hệ thống giáo dục sư phạm. Xây dựng chiến lược, lộ trình tái cơ cấu các đơn vị theo nhóm chức năng, xác định rõ vai trò thúc đẩy các hoạt động cốt lõi theo lĩnh vực để giảm số đầu mối và sắp xếp các trung tâm nghiên cứu theo hướng tập trung nguồn lực, tiềm lực để có các nghiên cứu có ảnh hưởng lớn tầm quốc gia, quốc tế về khoa học giáo dục và triển khai các nghiên cứu liên ngành.

4. Tăng cường vai trò của đơn vị đầu mối tham mưu về quản trị chiến lược, theo dõi xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược. Xây dựng và bổ sung mục tiêu và các chỉ tiêu, chỉ số cụ thể cho các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng trong kế hoạch chiến lược và chi tiết hóa đến các đơn vị để thực hiện và đánh giá. Cân nhắc tham khảo các bộ tiêu chí xếp hạng, đối

sánh đại học có uy tín; thực hiện đối sánh ngoài theo từng lĩnh vực để có căn cứ xác định các chỉ tiêu phấn đấu chính; chú trọng các biện pháp quản trị rủi ro trong thực hiện; có các giải pháp về nguồn lực để thực hiện hiệu quả ở tất cả các đơn vị.

5. Phân nhiệm rõ trách nhiệm của tổ chức Đảng, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu trong việc ban hành các văn bản; có văn bản phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát; có báo cáo công khai các kết quả giám sát và kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng trường. Rà soát, cập nhật các văn bản mới của Chính phủ; xem xét ban hành các nghị quyết chuyên đề chỉ đạo xuyên suốt cả nhiệm kỳ của Đảng ủy Trường. Nghiên cứu cải tiến các chính sách mang tính đột phá, tính “tiên phong” để phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

6. Có các giải pháp đột phá, đủ mạnh nhằm giữ chân người tài, thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng và ban hành hệ thống KPIs đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch. Thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch cán bộ để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp, hiệu quả.

7. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu; tăng nguồn thu từ các chương trình mới, đáp ứng nhu cầu xã hội, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, tư vấn và chuyển giao, hợp tác trong và ngoài nước. Sớm thực hiện các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất tại trụ sở chính, tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh tiến độ công tác chuyển đổi số. Đẩy mạnh công tác số hóa, cập nhật, bổ sung đầy đủ tài liệu học tập theo yêu cầu của các ngành đào tạo. Có quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn.

8. Có các chính sách, quy định, hướng dẫn và giải pháp cụ thể về đối ngoại trong nước và quốc tế và có đơn vị đầu mối quản lý. Nghiên cứu xây dựng các chỉ số về phát triển đối ngoại phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Định kỳ rà soát các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác, tạo thêm cơ hội cho giảng viên và sinh viên tham gia các chương trình nghiên cứu chung, chương trình học tập, trải nghiệm, giao lưu tại nước ngoài. Đầu tư các nguồn lực phù hợp để tận dụng có hiệu quả các cơ hội từ các hoạt động đối ngoại để nâng cao chất lượng đội ngũ, khoa học công nghệ gia tăng giá trị học thuật và nâng cao giá trị và uy tín của Nhà trường.

9. Tham chiếu các Khung đảm bảo chất lượng của ASEAN, Ủy ban Giáo dục đại học châu Âu, Khung Xuất sắc Baldrige... để tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với mục tiêu chiến lược, nhu cầu và bối cảnh phát triển của Trường, tương thích với các yêu cầu bên ngoài và bối cảnh Việt Nam. Tăng cường vai trò của bộ phận bảo đảm chất lượng trong tham mưu, tư vấn chiến lược, trong xây dựng, giám sát đánh giá việc thực thi chiến lược và các điều kiện hoạt động. Xây dựng đầy đủ bộ KPIs cho mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng. Phân tích kết quả các hoạt động đảm bảo chất lượng đạt được hàng năm, so chiếu với các cơ sở giáo dục khác để rút ra những bài học kinh nghiệm/những thực hành tốt tham khảo, học hỏi.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài; sớm triển khai kế hoạch thực hiện tự đánh giá và tăng số chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn trong nước và khu vực, quốc tế. Phân tích sâu các thông tin, dữ liệu đánh giá để làm rõ xu hướng/diễn tiến của các hoạt động; đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác một cách toàn diện để tìm kiếm các thực hành tốt nhất nhằm đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng. Tăng cường công tác chuyển đổi số trong các hoạt động và chú trọng xây dựng hệ thống thông tin để phục vụ hiệu quả cho công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng.

11. Có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài đảm bảo thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả các hoạt động. Bổ sung thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế với các cơ sở giáo dục khác hoặc đối sánh ngoài các chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có biện pháp quản trị tích hợp cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng; phân tích được xu hướng, dự báo kết quả để hỗ trợ hiệu quả cho các cấp liên quan ra quyết định phù hợp.

12. Rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về đối sánh. Lựa chọn đa dạng các loại hình đối sánh với đơn vị có thực tiễn tốt, đối sánh theo dữ liệu xếp hạng, đối sánh các hoạt động hoặc theo tiêu chí/chức năng. Phân tích sâu sắc kết quả đối sánh để tìm ra nguyên nhân, giải pháp cải tiến chất lượng hoặc lựa chọn các thông tin để tham khảo, học tập. Rà soát đánh giá thường xuyên kết quả cải thiện năng lực cạnh tranh quốc tế để không ngừng cải tiến, nâng cao các vị trí xếp hạng và tăng cường các chỉ số thị trường giáo dục của Nhà trường.

13. Đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh cả về nội dung lẫn phương thức, nhất là những ngành mới. Tham khảo rộng rãi các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội có liên quan đến các chương trình đào tạo trong quá trình xây dựng đề án tuyển sinh; phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh để có những chính sách tuyển sinh hiệu quả, nâng cao chất lượng người học.

14. Xây dựng quy hoạch phát triển ngành đào tạo trong lộ trình 5-10 năm. Ban hành quy định về phát triển chương trình đào tạo theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; bổ sung quy trình thực hiện giám sát. Nghiên cứu module hóa chương trình đào tạo để hướng tới năng lực cụ thể, tăng cường tính tích hợp, liên thông; nghiên cứu áp dụng phương thức đào tạo các chương trình đào tạo theo MicroDegree/NanoDegree. Rà soát, hoàn thiện hệ thống đề cương các học phần, mức đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

15. Xây dựng quy định, hướng dẫn giảng viên xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và đạt được chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh hoạt động liên kết với các doanh nghiệp; tạo điều kiện để sinh viên tham gia các hoạt động sáng tạo khởi nghiệp, thực hiện các dự án/đề tài nghiên cứu hoặc ứng dụng triển khai. Nghiên cứu đổi mới các hoạt động dạy học, chú trọng các phương pháp dạy học kiến tạo và nghiên cứu áp dụng phương pháp dạy học theo Micro Teaching; tăng cường thời lượng thực hành sư phạm Dual Apprenticeship; tăng cường ứng dụng chuyển đổi số vào phương thức dạy và học hỗn hợp (blended-learning).

16. Xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Tổng kết, phân

tích đánh giá sự phù hợp của phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra và định kỳ phân tích phương thức đánh giá đề thi, phổ điểm thi. Thiết kế các hình thức thi, kiểm tra phù hợp để đánh giá kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời của người học theo chuẩn đầu ra. Chú trọng công tác hậu kiểm sau thi kết thúc học phần; đảm bảo việc coi thi, chấm thi đúng quy định.

17. Mở rộng các đối tác trong và ngoài nước để tăng thêm nguồn học bổng ngoài ngân sách, tăng thêm cơ hội học tập, giao lưu, trao đổi tại nước ngoài cho người học. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên để hỗ trợ sinh viên thực tập, kiến tập sớm làm quen với môi trường, văn hóa trường phổ thông, đặc biệt là khối ngoài công lập; cập nhật các công nghệ dạy học mới, phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động cho học sinh, kỹ năng giao tiếp với phụ huynh.

18. Cải tiến và tăng hiệu quả công tác quản lý khoa học công nghệ, xây dựng văn hóa nghiên cứu khoa học trong toàn bộ giảng viên. Trên nền tảng đó, bộ phận đầu mối đặt các kế hoạch và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để thực hiện kế hoạch hàng năm và trung hạn. Định kỳ thực hiện đối sánh hoạt động nghiên cứu khoa học của mình với các cơ sở giáo dục đại học, trường, viện trong và ngoài nước để có sự cải tiến, học hỏi liên tục, làm cơ sở đưa ra các KPIs định lượng quan trọng để cải tiến tổng thể cả số lượng và chất lượng các sản phẩm khoa học công nghệ.

19. Đa dạng hóa các nghiên cứu ứng dụng của các cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhất là các nhóm nghiên cứu ứng dụng. Chú trọng công tác hỗ trợ hình thành, hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu tài sản trí tuệ; cải tiến hệ thống chính sách, khuyến khích và đầu tư nguồn lực tương xứng. Đa dạng việc lấy ý kiến các bên liên quan làm căn cứ xác định chiến lược phát triển tài sản trí tuệ trong các lĩnh vực có thể mạnh.

20. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch khả thi để thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học, nhất là các nghiên cứu khoa học về khoa học giáo dục dựa trên nguồn lực hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Tăng cường đầu tư kinh phí và xây dựng văn hóa nghiên cứu khoa học tới tất cả đội ngũ giảng viên để tạo nền tảng vừa phát triển nghiên cứu khoa học dựa trên nội lực, vừa làm tiền đề thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế.

21. Mở rộng nội hàm của phục vụ cộng đồng, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị và cá nhân để góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Ban hành hướng dẫn và cơ chế kiểm tra giám sát phục vụ cộng đồng; thường xuyên triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động để có căn cứ cải tiến chất lượng hướng đến đáp ứng tốt sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

22. Có các giải pháp quyết liệt hơn giảm tỷ lệ thôi học, bỏ học và chậm bảo vệ; thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo và các cơ sở giáo dục cùng lĩnh vực về kết quả, chính sách quản lý để có cơ chế hỗ trợ và giải pháp lâu dài. Tiếp tục có các giải pháp khả thi hơn để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và giảm thời gian tốt nghiệp của học viên sau đại học. Phân tích và đối sánh chi tiết số liệu hằng năm về việc làm cho từng chương trình đào tạo, các loại hình đào tạo; thực hiện khảo sát và có cơ sở dữ liệu về tình hình công việc, thăng tiến của người học sau đại học. Có các giải pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện các kỹ năng mềm,

ngoại ngữ, tin học và tăng cường năng lực tổ chức công việc trong thực tiễn. Thực hiện đối sánh các chỉ số về chất lượng người học tốt nghiệp và mức hài lòng của các bên liên quan, nhất là các nhà sử dụng lao động.

23. Đầu tư xây dựng văn hóa nghiên cứu khoa học đối với tất cả các giảng viên và văn hóa khởi nghiệp cho người học bằng cả các chính sách bắt buộc, khuyến khích và kiến tạo làm nền tảng thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển các sản phẩm sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển giao tri thức. Đảm bảo chi đầu tư cho nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học theo mức quy định; có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy giảng viên trẻ thực hiện các nghiên cứu khoa học và xây dựng các nhóm nghiên cứu tiềm năng. Có kế hoạch đột phá để cải tiến, nâng số lượng, chất lượng và đa dạng hóa các loại hình sở hữu trí tuệ.

24. Xác định cụ thể loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng trên cơ sở tham chiếu với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, đồng thời để có căn cứ xác lập các chỉ tiêu thực hiện, khối lượng công việc phục vụ cộng đồng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học. Xây dựng hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh với các chỉ số, chỉ báo cụ thể để có các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp.

25. Xây dựng bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường; quản lý các chỉ số quan trọng, cốt lõi theo chiến lược phát triển Trường; thường xuyên thu thập thông tin, phân tích để đánh giá xu hướng thay đổi. rà soát và đánh giá các chỉ số thị trường trên cơ sở yếu tố chất lượng về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; đối sánh với các cơ sở giáo dục phù hợp. Tăng cường hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước để tăng và đa dạng hóa nguồn thu và phát triển bền vững. Có lộ trình tham gia xếp hạng trong và ngoài nước nhằm thực hiện Luật Giáo dục đại học và sử dụng các chỉ số để tham khảo và xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu nhằm thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn và Chiến lược phát triển Trường cho giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
